

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 15
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	16 - 20
7. Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	21
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	22 - 38

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 75.736.670.000 VND.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Quyết định số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- Quyết định số 17/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- Quyết định số 78/QĐ-VSD ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 5 771 733
- Fax : 0243 5 771 741

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Tạ Thị Tú Trinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Ông Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Lại Thu Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018



**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Đoàn Thị An	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Như Tinh	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 8 năm 2017

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Tinh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2017).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán của công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như Tinh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2019



Số: 2.0470/19/TC - AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 7 năm 2019, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số V.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng (nếu có) cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 9.770.098.000 VND do không có cơ sở để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thị trường của các cổ phiếu này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu trích lập dự phòng không, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động, cũng như tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>33.822.417.147</b>	<b>33.214.640.118</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>33.776.110.537</b>	<b>33.189.226.151</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	5.516.923.919	820.297.550
1.1. Tiền	111.1		210.299.261	120.297.550
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		5.306.624.658	700.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.2.1	5.000.000.000	9.800.000.000
4. Các khoản cho vay	114		-	-
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	V.2.2	33.345.713.417	33.647.547.075
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.3	(10.443.423.617)	(11.445.838.175)
7. Các khoản phải thu	117		281.331.574	348.532.329
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		281.331.574	348.532.329
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		281.331.574	348.532.329
8. Trả trước cho người bán	118		138.035	861.809
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	V.4	105.427.209	67.825.563
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.5	(30.000.000)	(50.000.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>46.306.610</b>	<b>25.413.967</b>
1. Tạm ứng	131		-	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		9.083.333	7.663.331
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		1.000.000	1.000.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		36.223.277	16.750.636
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250-260)</b>	<b>200</b>		<b>68.320.000</b>	<b>72.280.000</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1.	<i>Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	212.1		-	-
2.2.	<i>Đầu tư vào công ty con</i>	212.2		-	-
2.3.	<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	212.3		-	-
2.4.	<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	212.4		-	-
3.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	222		4.738.176.655	4.738.176.655
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223a		(4.738.176.655)	(4.738.176.655)
	<i>Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý</i>	223b		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226a		-	-
	<i>Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý</i>	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		4.681.811.450	4.681.811.450
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229a		(4.681.811.450)	(4.681.811.450)
	<i>Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý</i>	229b		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232a		-	-
	<i>Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý</i>	232b		-	-
<b>IV.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>68.320.000</b>	<b>72.280.000</b>
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		67.000.000	67.000.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252		1.320.000	5.280.000
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254		-	-
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>33.890.737.147</b>	<b>33.286.920.118</b>
	(270=100+200)	270		<b>33.890.737.147</b>	<b>33.286.920.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+340)</b>		<b>300</b>		<b>509.199.107</b>	<b>374.158.289</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>509.199.107</b>	<b>374.158.289</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		311		-	-
1.1. Vay ngắn hạn		312		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính ngắn hạn		313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ		315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		316		-	-
5. Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán		317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính		319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn		320	V.8	3.458.547	63.199.259
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		322	V.9	139.648.286	3.390.000
11. Phải trả người lao động		323		75.302.100	1.015.909
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn		325	V.10	37.000.000	-
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn		326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		329	V.11	253.790.174	306.553.121
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		332		-	-
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>340</b>		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		341		-	-
1.1. Vay dài hạn		342		-	-
1.2. Nợ thuê tài chính dài hạn		343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn		344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ		345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn		346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn		347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn		348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn		349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn		350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		354		-	-
13. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		357		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN THỦ ĐỨC**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D-</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>33.381.538.040</b>	<b>32.912.761.829</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>33.381.538.040</b>	<b>32.912.761.829</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.736.670.000	75.736.670.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		75.736.670.000	75.736.670.000
a.	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>75.736.670.000</i>	<i>75.736.670.000</i>
b.	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411.1b</i>		-	-
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412	V.12	30.132.645	34.512.645
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.13	(42.385.264.605)	(42.858.420.816)
7.1	<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(42.385.264.605)</i>	<i>(42.858.420.816)</i>
7.2	<i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>417.2</i>		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)</b>		<b>440</b>		<b>33.890.737.147</b>	<b>33.286.920.118</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		6.023.584.052	6.023.584.052
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		-	-
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		-	-
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	-
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	-
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	-
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.A		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.B		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7. Tiền gửi của khách hàng	026		-	-
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		-	-
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	-
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	-
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-
7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		-	-
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		-	-
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	0.33		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	0.34		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Phan Thị Hoài Thu

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tĩnh



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	-
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	-
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		359.451.301	298.769.134
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		4.000.000	59.876.690
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		-	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		-	-
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	-
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	97.614.662
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-&gt;11)</b>	<b>20</b>	<b>VI.1</b>	<b>363.451.301</b>	<b>456.260.486</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		240.603.658	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		240.603.658	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		(1.002.414.558)	(634.827.057)
2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	1.286.603
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		-	-
2.8. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		-	-
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		1.079.675	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-&gt;32)</b>	<b>40</b>	<b>VI.3</b>	<b>(760.731.225)</b>	<b>(633.540.454)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		242.882	623.284
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-&gt;44)</b>	<b>50</b>	<b>VI.2</b>	<b>242.882</b>	<b>623.284</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3. Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5. Chi phí tài chính khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51-&gt;55)</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VI.4</b>	<b>567.803.541</b>	<b>589.071.636</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>556.621.867</b>	<b>501.352.588</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	VI.5	62.967.855	20.000.000
8.2. Chi phí khác	72	VI.6	12.257.225	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>50.710.630</b>	<b>20.000.000</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>			<b>607.332.497</b>	<b>521.352.588</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		-	-
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>134.176.286</b>	<b>106.375.583</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	101	V.9	134.176.286	106.375.583
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	102		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 10</b>	<b>200</b>		<b>473.156.211</b>	<b>414.977.005</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		30.132.645	31.592.645
12.2. Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3. Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4. Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		<b>30.132.645</b>	<b>31.592.645</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.7	62	55
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.7	62	55

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hoài Thu

Phan Thị Hoài Thu

Nguyễn Như Tinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		607.332.497	521.352.588
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02			
- Khấu hao tài sản cố định	03		-	3.769.716
- Các khoản dự phòng	04		(1.022.414.558)	(704.827.057)
- (-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08		(281.331.574)	230.527.934
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị Các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		5.393.040.004	120.489.755
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		4.800.000.000	(2.925.571.007)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		297.453.658	104.423.310
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		348.532.329	(249.726.061)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(56.350.513)	3.101.887.300
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	-
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		37.000.000	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		2.539.998	(7.970.802)
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	-
- (-) Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(59.740.712)	50.465.988
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		2.082.000	107.595.092
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		74.286.191	166.492.324
- Tăng (giảm) phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(52.762.947)	(227.106.389)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	52		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>4.696.626.369</b>	<b>171.312.936</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	61		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71			
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>4.696.626.369</b>	<b>171.312.936</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>	<b>V.1</b>	<b>820.297.550</b>	<b>15.188.722</b>
- Tiền	101.1		120.297.550	15.188.722
- Các khoản tương đương tiền	101.2		700.000.000	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	<b>V.1</b>	<b>5.516.923.919</b>	<b>186.501.658</b>
- Tiền	103.1		210.299.261	186.501.658
- Các khoản tương đương tiền	103.2		5.306.624.658	
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	-
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>20</b>			
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		-	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		-	-
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
Trong đó có kỳ hạn			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Hoài Thu

Phan Thị Hoài Thu

Nguyễn Như Tĩnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		Năm trước	Năm nay	Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm		
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu							
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		75.736.670.000	75.736.670.000			75.736.670.000	75.736.670.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi							
1.3. Thặng dư vốn cổ phần							
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn							
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		75.736.670.000	75.736.670.000			75.736.670.000	75.736.670.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)							
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ							
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ							
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	V.12	73.404.892	34.512.645	31.592.645	73.404.892	30.132.645	34.512.645
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái							
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							
8. Lợi nhuận chưa phân phối	V.13	(42.891.922.288)	(42.858.420.816)	414.977.005	473.156.211	(42.476.945.283)	(42.385.264.605)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện							
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện							
<b>Tổng cộng</b>		<b>32.918.152.604</b>	<b>32.912.761.829</b>	<b>446.569.650</b>	<b>73.404.892</b>	<b>503.288.856</b>	<b>33.291.317.362</b>
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>							
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán							
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TD theo mô hình giá trị hợp lý							
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài							
4. Lãi, lỗ toàn diện khác							
<b>Tổng cộng</b>							

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Kế toán trưởng

Người lập biểu




Phan Thị Hoài Thu

Phan Thị Hoài Thu





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 75.736.670.000 VND.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Quyết định số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- Quyết định số 17/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 6 năm 2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- Quyết định số 78/QĐ-VSD ngày 17 tháng 2 năm 2017 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.

#### **2. Địa chỉ liên hệ**

Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 0243 5 771 733  
Fax : 0243 5 771 741

#### **3. Điều lệ hoạt động của Công ty**

Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô ban hành ngày 21/12/2006 và sửa đổi, bổ sung lần cuối ngày 20/4/2018.

#### **4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**

- Quy mô vốn : Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Công ty là 75.736.670.000 đồng. Vốn chủ sở hữu là 33.381.538.040 đồng. Tổng tài sản là 33.890.737.147 đồng
- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Chứng khoán
- Hoạt động chính của công ty : Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Cấu trúc Công ty : Công ty không có Công ty con, công ty liên kết, đơn vị hạch toán phụ thuộc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC nêu trên có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC nêu trên, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi của các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định, hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua, cộng các chi phí giao dịch, phí môi giới, phí đại lý phát hành, phí ngân hàng (nếu có).

##### 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được phân loại sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại vào nhóm:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/ lỗ.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua, cộng các chi phí giao dịch, phí môi giới, phí đại lý phát hành, phí ngân hàng (nếu có).

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, các tài sản tài chính AFS được phản ánh theo giá trị hợp lý và khoản lãi hay lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác) ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính AFS được xác định theo phương pháp được trình bày tại thuyết minh IV. 17



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

### 6. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
  - ✓ Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - ✓ Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.
  - ✓ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 7. Phân loại lại tài sản tài chính

#### *Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL, Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

#### *Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Công ty thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác cho phù hợp, do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt, hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản giảm giá đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá gốc trừ dự phòng (nếu có) do pháp luật chứng khoán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

### 8. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

#### *Phải thu và dự thu cổ tức*

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty được ghi nhận khi Công ty được phân bổ quyền nhận cổ tức (tại ngày giao dịch không hưởng quyền) đối với các cổ phiếu hình thành trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

Cổ tức không được ghi nhận cho Công ty đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

#### *Phải thu và dự thu tiền lãi các tài sản tài chính*

- Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa nhận được tiền: tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.
- Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa đến kỳ nhận lãi: Hàng tháng Công ty dự thu các khoản lãi phát sinh từ các tài sản tài chính theo lãi suất thực tế và thời gian phát sinh trong kỳ.

#### *Dự phòng suy giảm giá trị các khoản nợ phải thu*

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản nợ phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng suy giảm giá trị nợ phải thu cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý công ty chứng khoán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 08

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 08 năm.

##### *Chi phí thiết kế trang web*

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

##### *Tài sản cố định vô hình khác*

Bao gồm lệ phí cấp phép hoạt động của Công ty và hệ thống nhận diện thương hiệu Công ty.

#### 11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Và chi phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã bù trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

### 13. Doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### *Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các khoản giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (Đối với chứng khoán niêm yết)

### 14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 16. Quản lý rủi ro tài chính

#### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều cá nhân vay cầm cố chứng khoán và vay ứng trước, hiện tại khó có khả năng thu hồi nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là cao.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản phải trả người bán ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng. Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do lãi suất thị trường có biên độ dao động nhỏ.

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là đáng kể do các khoản chứng khoán Công ty nắm giữ có biên độ giao động giá cao.

## **17. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

### *Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính*

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sàn Giao dịch chứng khoán, giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty ghi nhận theo giá gốc.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn, bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán bằng cách chuyển giao các công cụ vốn đó không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy thì những công cụ này sẽ được xác định theo giá gốc.

### *Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	35.113.455	51.703.135
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	175.185.806	68.594.415
Các khoản tương đương tiền	5.306.624.658	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.516.923.919</u></b>	<b><u>820.297.550</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

###### 2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	5.000.000.000	7.800.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>9.800.000.000</u></b>

###### 2.2 Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Bao gồm các loại cổ phiếu Công ty đang nắm giữ, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>21.276.109.367</b>	<b>21.577.943.025</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	12.962.665.766	12.962.665.766
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.045.620.054	7.045.620.054
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	797.594.784	797.594.784
Các mã chứng khoán khác	470.228.763	772.062.421
<b>Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)</b>	<b>2.299.506.050</b>	<b>2.299.506.050</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaship	1.936.500.000	1.936.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	363.006.050	363.006.050
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)</b>	<b>9.770.098.000</b>	<b>9.770.098.000</b>
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	4.770.098.000	4.770.098.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.345.713.417</u></b>	<b><u>33.647.547.075</u></b>

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) do không có cơ sở để xác định giá thị trường của các cổ phiếu này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

*Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường*

*Cơ sở lập dự phòng kỳ này*

Tên Công ty	Số lượng	Giá trị theo sổ kế		Giá trị trường		Giá trị lập dự		Mức trích lập/hoàn nhập kỳ này
		toán tại ngày 30/6/2019	tại ngày 30/6/2019	tại ngày 30/6/2019	phòng tại 30/06/2019	phòng tại 31/12/2018		
<b>CÓ PHIẾU NIÊM YẾT</b>	<b>376.790</b>	<b>21.245.976.722</b>	<b>13.006.000.200</b>	<b>8.270.109.167</b>	<b>9.219.899.725</b>	<b>(949.790.558)</b>		
Ngân hàng TMCP Á Châu	289.103	12.962.665.766	8.355.076.700	4.607.589.066	4.405.216.966	202.372.100		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	57.437	7.045.620.054	4.049.308.500	2.996.311.554	3.972.740.554	(976.429.000)		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	13.200	797.594.784	327.360.000	470.234.784	445.814.784	24.420.000		
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	-	-	26.275.410	(26.275.410)		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	4.000	176.544.320	60.600.000	115.944.320	87.344.320	28.600.000		
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	3.000	115.108.077	78.000.000	37.108.077	36.658.077	450.000		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	2.750	95.721.366	52.800.000	42.921.366	29.171.366	13.750.000		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.300	52.722.355	82.855.000	-	-	-		
Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao Xi măng	-	-	-	-	216.678.248	(216.678.248)		
<b>CÓ PHIẾU ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (UPCOM)</b>	<b>41.876</b>	<b>2.299.506.050</b>	<b>126.191.600</b>	<b>2.173.314.450</b>	<b>2.225.938.450</b>	<b>(52.624.000)</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	35.000	1.936.500.000	98.000.000	1.838.500.000	1.898.000.000	(59.500.000)		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	6.876	363.006.050	28.191.600	334.814.450	327.938.450	6.876.000		
<b>CÓ PHIẾU OTC</b>	<b>142.700</b>	<b>9.770.098.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	43.153	5.000.000.000	-	-	-	-		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	99.547	4.770.098.000	-	-	-	-		
<b>Tổng cộng</b>	<b>561.366</b>	<b>33.315.580.772</b>	<b>13.132.191.800</b>	<b>10.443.423.617</b>	<b>11.445.838.175</b>	<b>(1.002.414.558)</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

*Tình hình biến động dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính (AFS) như sau:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	11.445.838.175	11.407.165.532
Trích lập dự phòng bổ sung	276.468.100	94.190.243
Hoàn nhập dự phòng	(1.278.882.658)	(729.017.300)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.443.423.617</u></b>	<b><u>10.772.338.475</u></b>

**4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>105.427.209</b>	<b>67.825.563</b>
Công ty CP Máy Phú Thành	30.000.000	30.000.000
CTCP Hãng Sơn đông á		20.000.000
CTCP Tài chính & PT DN	15.500.000	15.500.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	59.927.209	125.563
Phải thu khách hàng		2.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>105.427.209</u></b>	<b><u>67.825.563</u></b>

**5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Đối tượng	<u>Giá trị nợ phải thu khó đòi</u>			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập</u>	<u>Số hoàn nhập</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>50.000.000</b>		<b>(20.000.000)</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty CP Hãng Sơn Đông Á	20.000.000		(20.000.000)	-
Công ty CP Máy Phú Thành	30.000.000		-	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>50.000.000</u></b>		<b><u>(20.000.000)</u></b>	<b><u>30.000.000</u></b>

**6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định vô hình là các máy móc thiết bị sử dụng cho hoạt động của công ty chứng khoán. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.738.176.655	4.738.176.655	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>4.738.176.655</u></b>	<b><u>4.738.176.655</u></b>	
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.738.176.655		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

**7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Website	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45.000.000</b>	<b>4.489.441.050</b>	<b>147.370.400</b>	<b>4.681.811.450</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	45.000.000	4.489.441.050	147.370.400	4.681.811.450
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45.000.000</b>	<b>4.489.441.050</b>	<b>147.370.400</b>	<b>4.681.811.450</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm				
Số cuối kỳ				

**8. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.128.547	3.199.259
Chi nhánh Trung tâm Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam tại Hà Nội		60.000.000
Các đối tượng khác	330.000	
<b>Cộng</b>	<b>3.458.547</b>	<b>63.199.259</b>

Công ty không có nợ quá hạn.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	3.390.000	22.592.000	20.510.000	5.472.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp		134.176.286		134.176.286
Các loại thuế khác		15.257.225	15.257.225	-
<b>Cộng</b>	<b>3.390.000</b>	<b>172.025.511</b>	<b>35.767.225</b>	<b>139.648.286</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính

Không chịu thuế  
10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	607.332.497	521.352.588
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	138.257.225	114.630.994
- Các khoản điều chỉnh giảm	138.257.225	114.630.994
Thu nhập chịu thuế	745.589.722	635.983.582
Thu nhập được miễn thuế	(4.000.000)	(32.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển	(70.708.293)	(72.105.668)
Thu nhập tính thuế	670.881.429	531.877.914
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>134.176.286</b>	<b>106.375.583</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>134.176.286</b>	<b>106.375.583</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí tiền thuê văn phòng.

**11. Phải trả phải nộp khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	12.540.135	35.881.335
Bảo hiểm xã hội Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	234.294	234.294
Thuế TNCN phải trả	146.351.110	167.802.857
Các khoản phải trả phải nộp khác	94.664.635	102.634.635
<b>Cộng</b>	<b>253.790.174</b>	<b>306.553.121</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

**12. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý**

	Số lượng	Giá mua	Giá thị trường tại 30/6/2019	Chênh lệch đánh giá tài sản tại 30/6/2019
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>418.666</b>	<b>23.545.482.772</b>	<b>13.132.191.800</b>	<b>30.132.645</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	289.103	12.962.665.766	8.355.076.700	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	57.437	7.045.620.054	4.049.308.500	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	13.200	797.594.784	327.360.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	-	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	4.000	176.544.320	60.600.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	3.000	115.108.077	78.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	2.750	95.721.366	52.800.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	7.300	52.722.355	82.855.000	30.132.645
Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao Xi măng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	35.000	1.936.500.000	98.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	6.876	363.006.050	28.191.600	-
<b>2. Cổ phiếu đăng ký giao dịch (UPCOM)</b>	<b>142.700</b>	<b>9.770.098.000</b>	<b>9.770.098.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	43.153	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	99.547	4.770.098.000	4.770.098.000	-
<b>Cộng</b>	<b>561.366</b>	<b>33.315.580.772</b>	<b>22.902.289.800</b>	<b>30.132.645</b>

**13. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(42.858.420.816)	(42.891.922.288)
Lợi nhuận trong kỳ	473.156.211	414.977.005
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(42.385.264.605)</b>	<b>(42.476.945.283)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	4.000.000	59.876.690
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	359.451.301	298.769.134
Các khoản doanh thu khác		97.614.662
<b>Cộng</b>	<b>363.451.301</b>	<b>456.260.486</b>

### 2. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn.

### 3. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dự phòng	(1.002.414.558)	(634.827.057)
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	240.603.658	
Chi phí bằng tiền khác	1.079.675	1.286.603
<b>Cộng</b>	<b>(760.731.225)</b>	<b>(633.540.454)</b>

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	405.424.964	404.986.094
Chi phí công cụ dụng cụ	1.830.000	10.501.991
Chi phí khấu hao TSCĐ		3.769.716
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(20.000.000)	(70.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.548.577	236.813.835
<b>Cộng</b>	<b>567.803.541</b>	<b>589.071.636</b>

### 5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Công nợ không phải trả lâu ngày	62.967.855	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.967.855</b>	<b>20.000.000</b>

### 6. Chi phí khác

Là khoản chi phí phạt thuế

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Ocean park, Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	473.156.211	414.977.005
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	473.156.211	414.977.005
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.573.677	7.573.677
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ thu nhập pha loãng trên cổ phiếu</b>	<b>62</b>	<b>55</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền lương	78.747.600	155.160.000
Phụ cấp		20.166.667
<b>Cộng</b>	<b>78.747.600</b>	<b>175.326.667</b>

### 2. Thông tin về bộ phận

Trong kỳ, công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.


### 3. Số liệu so sánh


Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

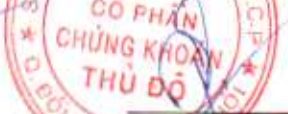
### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

  
Phan Thị Hoài Thu  
Người lập biểu

  
Phan Thị Hoài Thu  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Như Tinh  
Tổng Giám đốc

